

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

HIỆN TƯỢNG TRÙNG NGÔN VÀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO PHIÊN DỊCH ANH-VIỆT PHẠM VĂN ĐÔN*

TÓM TẮT: Trùng ngôn là một trong những phép tu từ thường thấy trong mọi ngôn ngữ. Bên cạnh việc phát huy hiệu quả trong giao tiếp thì trùng ngôn cũng gây ra không ít khó khăn trong việc dạy-học ngoại ngữ, trong đó có đào tạo phiên dịch. Trong bài báo này, chúng tôi tiến hành đối chiếu hiện tượng này trong tiếng Anh và tiếng Việt và chỉ ra nguyên nhân gây ra những khó khăn cho sinh viên học phần phiên dịch tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

TỪ KHÓA: trùng ngôn; đào tạo phiên dịch Anh-Việt; dạy học ngoại ngữ; giao tiếp; nguyên nhân.

NHẬN BÀI: 2/3/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 7/6/2022

1. Đặt vấn đề

Đầu đó trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta bắt gặp những cảnh báo như “CẤM KHÔNG ĐƯỢC ĐỒ RÁC Ở ĐÂY!” hay “CẤM KHÔNG ĐƯỢC BƠI Ở ĐÂY”. Chẳng có gì để nói khi đã là thói quen nhìn thấy chúng hằng ngày, nhưng đối với người học ngoại ngữ lại là cả một vấn đề. Bản thân tác giả cũng nhiều lần băn khoăn về sự “đúng”, “sai” của câu cảnh báo trên. Đã CẤM lại còn KHÔNG ĐƯỢC thì liệu có mang ý nghĩa *được phép* hay *không*. Nhận thấy đây là khó khăn của người học ngoại ngữ, chúng tôi đi sâu tìm hiểu vấn đề này và tiến hành khảo sát mức độ nhận thức vấn đề đối với sinh viên đang theo học ngành ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (ĐHHH).

2. Đặc điểm của hiện tượng trùng ngôn trong tiếng Anh và tiếng Việt

Trùng ngôn (Pleonasm) là hiện tượng sử dụng nhiều phương tiện ngôn ngữ hơn mức bình thường để diễn đạt nội dung nào đó. Việc này gây cảm giác bất ngờ cho người tiếp ngôn.

a) Xét về cấu trúc, trong tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiện tượng này ở cụm từ/ ngữ, chẳng hạn:

- Trùng ngữ danh từ, ví dụ: *ngày sinh nhật, đường quốc lộ; enormous giant* (tên khổng lồ to lớn), *old classic* (cổ điển cũ);
- Trùng ngữ động từ, ví dụ: *quên không đội mũ, từ chối không kí; to visually see* (nhìn bằng mắt), *to verbally tell* (nói bằng lời);
- Trùng ngữ tính từ, ví dụ: *Quê kiếng đến quê mùa; totally empty* (hoàn toàn trống rỗng);
- Trùng ngữ mệnh đề. Đây là trùng ngữ xảy ra là khi cả hai mệnh đề cùng diễn đạt một nội dung giống nhau, ví dụ:

... là nhà tiên tri những năm tháng đã qua, người báo trước thời quá khứ

For those who like this sort of thing, this is the sort of thing they like (Đối với những người thích điều này, đây chính là điều họ thích).

- Trùng ngữ mệnh đề tự chiếu. Đây là mệnh đề có các yếu tố quy chiếu chính nó trong cùng mệnh đề. Trùng ngữ mệnh đề tự chiếu xảy ra khi trong cùng một mệnh đề có hiện tượng (1) động từ quy chiếu tân ngữ, (2) danh từ quy chiếu động từ, (3) động từ quy chiếu động từ, (4) tính từ quy chiếu tính từ, (5) động từ quy chiếu mệnh đề có chứa chính nó, (6) chủ ngữ quy chiếu bổ ngữ. Ví dụ:

...Người ta bắt được quả tang mình muốn bắt quả tang người ta.

She will explain her explanation to you (dịch sang tiếng Việt).

* TS; Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; Email: donddhh@gmail.com

b) Xét về ngữ nghĩa: Về quan hệ đồng nhất, trùng ngữ trong tiếng Anh có các tiểu loại: (1) khái niệm trùng khái niệm, (2) sự vật/ con người trùng sự vật/ con người, (3) hành động trùng hành động, (4) đặc điểm trùng đặc điểm, (5) tình trạng trùng tình trạng. Ví dụ:

Unsuccessful failure (thất bại không thành công)

Will and testament (di chúc và di chúc)

To cease and desist (dừng lại và dừng lại)

Null and void (không giá trị vô giá trị)

When many people cannot find jobs, unemployment results (Khi nhiều người không tìm được việc làm thì thất nghiệp xảy ra)

Xét về ngữ nghĩa bao hàm, trùng ngữ xảy ra ở 6 cấp độ, gồm:

(1) bao hàm đặc điểm, ví dụ: *New innovation* (cách tân mới).

(2) bao hàm khái niệm, ví dụ: *Widow woman* (đàn bà góa phụ).

(3) bao hàm hành động, ví dụ: *To explain an explanation* (giải thích lời giải thích).

(4) bao hàm kết quả, ví dụ: *To classify into groups* (phân chia thành nhóm).

(5) bao hàm đối tượng, ví dụ: *I never make prediction, especially about the future* (Tôi không bao giờ dự đoán, đặc biệt là về tương lai).

(6) bao hàm cách cách, ví dụ: *To visually see* (nhìn bằng mắt).

Như vậy, về cấu trúc, trùng ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt trùng nhau về các tiểu loại. Sự khác biệt duy nhất là trong tiếng Anh không có kiểu lặp từ trong trùng ngữ cấp độ từ. Xét về ngữ nghĩa, các tiểu loại không trùng nhau về tên gọi.

3. Khảo sát hiện tượng trùng ngôn qua môn học phiên dịch của sinh viên tại Trường Đại học Hàng hải

Kĩ năng dịch thuật nói chung và biên dịch nói riêng là thước đo đánh giá trình độ tiếng Anh chính xác nhất của mỗi cá nhân và chương trình đào tạo. Biên dịch cần kiến thức tổng hợp. Ngoài việc nắm chắc cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ ngữ chính xác, người biên dịch giỏi phải nắm có vốn hiểu biết uyên thâm về ngôn ngữ nguồn và đích mới ra được bản dịch sát nghĩa và hay được.

Trong thời gian giảng dạy học phần Biên dịch dịch tại Trường Đại học Hàng hải, chúng tôi nhận thấy, sinh viên gặp khó khăn khi gặp những câu có sử dụng phép tu từ như hoán xưng, nghịch ngôn, trùng ngữ, v.v.

Cách thức khảo sát:

Đưa ra một bảng câu hỏi về các phép tu từ trong đó có phép tu từ trùng ngữ.

Đối tượng khảo sát: nhóm học phần Biên dịch 1 gồm 46 sinh viên năm thứ ba, học kì 1 năm học 2021-2022.

1) Khảo sát 1

Câu hỏi: “Anh/ chị đã bao giờ nghe hay đọc về các phép tu từ dưới đây chưa?”. Kết quả như sau:

TT	Các phép tu từ	Có/ không	Tỉ lệ %
	Phép tu từ		
1	Phép hoán dụ	46/46	100
2	Phép ẩn dụ	46/46	100
3	Phép lặp	46/46	100
4	Phép thế	46/46	100
5	Phép tính lược	46/46	100
6	Phép chơi chữ	46/46	100
7	Phép liệt kê	46/46	100

8	Phép trùng ngữ	12/46	26
9	Phép nghịch ngôn	10/46	21
10	Phép hoán xưng	2/46	4

Nhận xét:

100% sinh viên biết về: phép hoán dụ (46/46), phép ẩn dụ (46/46), phép lặp (46/46), phép thế (46/46), phép tỉnh lược (46/46), phép chơi chữ (46/46), phép liệt kê (46/46).

Các phép tu từ có mức độ ít hơn: phép trùng ngữ (12/46), phép nghịch ngôn (10/46), phép hoán xưng (2/46). Điều này cũng dễ hiểu vì đây là ba trong số các phép tu từ ít được giới thiệu trong chương trình dạy khi sinh viên còn là học sinh phổ thông và cũng ít được nhắc đến trong chương trình giáo dục đại học.

2) Khảo sát 2

Câu hỏi: “Anh/ chị hãy xác định các câu sau là đúng (Đ) hay sai (S) vào cột cuối cùng”. Kết quả như sau:

TT	Câu	Đ/S
1	<i>Trời lạnh quá, em đi không có được</i>	25/11
2	<i>Anh ấy nhìn lên trần nhà không nói gì</i>	20/16
3	<i>Trong khu ổ chuột có căn nhà anh ấy</i>	32/4
4	<i>Tôi biết, anh biết, họ biết</i>	28/8
5	<i>Bác nói nhỏ quá tôi không nghe được</i>	32/4
6	<i>Đây là những ngôi nhà cao nhất</i>	35/1
7	<i>Căn hộ của cô ấy trong tòa nhà chọc trời thấp bên kia</i>	33/3
8	<i>Đây là lựa chọn duy nhất dành cho họ</i>	34/2
9	<i>Anh ấy có ý thức vô tổ chức vô kỉ luật</i>	3/33
10	<i>Hai chúng tôi đang nghĩ về những điều khác nhau. Khang nghĩ về bạn bè, tôi về gia đình.</i>	30/6
11	<i>Cấm không được đổ rác ở đây</i>	2/34
12	<i>Cô ấy mua một cuốn sách, tôi một chiếc bút chì.</i>	30/6
13	<i>Hai ông vào quán gọi bún ngan và gà. Ông ngan già hơn ông gà</i>	29/ 7
14	<i>Mới có quy định mặc đồng phục à? Tôi không biết</i>	33/3
15	<i>Chúng tôi không nói gì cả, việc ai nấy làm</i>	36/0
16	<i>Trời lạnh cắt da cắt thịt mà cô ấy vẫn đi cày à?</i>	36/0
17	<i>Cuốn sách của cô ấy mỏng hơn tôi</i>	32/4
18	<i>Đây là giấy nam, kia là nữ</i>	30/6
19	<i>Anh ấy đi ra từ hầm lò, mặt mũi đen thui</i>	32/4
20	<i>Tôi muốn các bông hồng trong vườn hoa nhà tôi được nhìn thấy em.</i>	32/4

Nhận xét:

Về câu trùng ngữ “Cấm không được đổ rác ở đây”: chỉ có 2 em xác định câu văn trên là đúng, 34 em xác định câu trên là sai về ngữ pháp.

3) Khảo sát ba.

Câu hỏi: “Anh/ chị hãy xác định các câu sau là đúng (Đ) hay sai (S)”

TT	Câu	Đ/S
1	<i>Two weeks is too long for me to wait</i>	42/4
2	<i>Some people are born rich, others poor.</i>	40/6

3	<i>He is taller than me</i>	42/4
4	<i>He walked and walked seriously around the hall.</i>	41/5
5	<i>Those interested can sign up here</i>	43/3
6	<i>You know I know you know I know</i>	46/0
7	<i>Never trouble trouble till trouble troubles you</i>	46/0
8	<i>Too much is really too much</i>	45/1
9	<i>A kiss is a kiss</i>	46/0
10	<i>When I want something I really want</i>	46/0
11	<i>I wish he would explain his explanation</i>	46/0
12	<i>He wants to have more water by diluting water</i>	46/0
13	<i>A star for every state and a state for every star</i>	46/0
14	<i>I belong to New York and New York belongs to me</i>	46/0
15	<i>Things do not change, but we do.</i>	40/6
16	<i>He is better than better, wiser than wiser</i>	46/0
17	<i>He is foolish enough to fool the wise</i>	46/0
18	<i>This is Gentleman's and that is ladies'</i>	45/1
19	<i>A sigh is just a sigh</i>	46/0
20	<i>A man can do what he wants, but not want what he wants</i>	9/37

Chúng tôi đưa ra 20 câu văn tiếng Anh (xem bảng trên), trong đó có nhiều loại câu nhưng đa phần là câu có hiện tượng trùng ngữ. Khảo sát được thực hiện tại nhóm học phần biên dịch gồm 46 sinh viên. 20 câu văn trong đó có 11 câu trùng ngữ. Kết quả sinh viên xác định 10 trong số 11 câu trùng ngữ là đúng, duy nhất câu số 20 là *A man can do what he wants, but not want what he wants* được 37 sinh viên khẳng định là câu văn sai, chỉ có 9 sinh viên xác định là câu đúng. Như vậy, có thể khẳng định mức độ hiểu biết về trùng ngữ trong tiếng Anh của sinh viên là cao hơn nhận biết về trùng ngữ trong tiếng Việt.

Khảo sát thứ 4

Giáo trình dành cho học phần Biên dịch 1 có tên là *Biên dịch câu*, đang được giảng dạy tại ĐHHH được biên soạn năm 2018 bao gồm 15 bài luyện tập kỹ năng dịch. Theo thống kê, giáo trình có 2053 câu dịch. Trong đó chỉ có 24 câu sử dụng phép tu từ trùng ngữ. Tổng số sinh viên được khảo sát là 83 sinh viên và tổng số lượt sinh viên dịch là 1393. Kết quả cho biết chỉ có 27 lượt dịch đúng trong số 1393 lượt dịch

Tổng số câu dịch	Tổng số câu trùng ngữ	Tổng số sinh viên	Tổng số lượt làm bài	Tổng số làm đúng
2053	24	83	1393	27

Tổng hợp kết quả cả 4 khảo sát cho thấy, sinh viên còn rất lúng túng khi dịch câu văn có chứa hiện tượng trùng ngữ, thường là bỏ hoặc dịch sai. Khảo sát thứ nhất cho thấy sinh viên chưa có hiểu biết chuyên sâu về trùng ngữ, chưa đọc thấy hoặc chưa được nghe giới thiệu ở đâu. Khảo sát thứ hai cho thấy nhận biết câu văn trùng ngữ tiếng Việt còn rất thấp, hoặc không xác định được. Khảo sát thứ ba cho thấy nhận thức về trùng ngữ trong tiếng Anh cao hơn nhận thức về nó trong tiếng Việt. Đây chính là nguyên nhân sinh viên bế tắc khi dịch câu văn trùng ngữ.

4. Kết luận

Trùng ngữ là một phép tu từ thường gặp ở mọi ngôn ngữ. Trùng ngữ góp phần tích cực vào thành công của giao tiếp nhưng cũng gây không ít khó khăn cho người học ngoại ngữ và đặc biệt là người học biên dịch. Trùng ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt không có sự khác biệt nhiều khi xem xét ở bình diện cấu trúc. Điểm khác biệt duy nhất về cấu trúc là vị trí của thành phần cấu tạo cụm từ hay bổ ngữ lại không thuộc về khác biệt bản chất của trùng ngữ. Xét về ngữ nghĩa, hiện tượng trùng ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt khác nhau về tên gọi khi phân loại ngữ nghĩa.

Khó khăn người học ngoại ngữ nói chung và biên dịch nói riêng thuộc về nhận thức vấn đề trong ngôn ngữ nguồn. Do thời lượng giảng dạy môn Dẫn luận ngôn ngữ hay tiếng Việt bị cắt giảm nên giảng viên không có điều kiện giới thiệu cho sinh viên nắm được vấn đề đang bàn. Để khắc phục vấn đề này, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu theo chủ đề giảng viên đưa ra.

Nghiên cứu này được Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tài trợ trong đề tài NCKH mã số DT 21.22.96.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (2002), *Ngữ pháp tiếng Việt tập 1*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục.
4. Nguyễn Thiện Giáp (1998), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

Tiếng Anh

5. Warren S. blumenfeld (1986), *Jumbo Shrimp*, Puttman Publishing House.
6. Warren and Blumenfeld (1988), *Pretty Ugly*, Puttman Publishing House.
7. Evan Esar (1968), *20,000 Quyps and Quotes*, Doubleday and Co.
8. Bergen Evans (1978), *Dictionary of Quotations*, Avenel Books.
9. Catherine Frank (2000), *Quotations for all occasions*, Columbia University Press.
10. Carole L. Hamilton (2011), *Anthem guide to essay Writing*, Anthem Press.

Pleonasm and the issue of Vietnamese-English translator training education

Abstract: Pleonasm is one of the rhetoric device commonly found in most languages. In addition to its contribution to the communicative effectiveness, pleonasm lays barrier to the foreign language teaching, including translator training. In this article, we compare pleonasm in English and that in Vietnamese and at the same time point out the causes to the hindrance to students involving Translation Education at The Vietnam Maritime University.

Key words: pleonasm; Vietnamese-English translator; rhetoric; foreign language teaching; communicative; causes.